

SỐ: 09/2017/QĐST- DS

Nho Quan, Ngày 22 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 24 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14/12/2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLST - DS ngày 30/10/2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 10, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: - Vợ chồng ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1966, bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1968.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 (con trai ông Y, bà Y).

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền cám mà vợ chồng ông Y, bà Y và anh Q đã mua cám của bà L còn nợ là 274.580.000 đồng. Vợ chồng ông Y, bà Y không phải có trách nhiệm trả nợ cho bà L.

2.2 Thời hạn trả nợ:

Từ tháng 12/2017 đến tháng 5/2018 anh Q phải trả cho bà L số tiền là 60.000.000 đồng.

Từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018 anh Q phải trả cho bà L số tiền là 60.000.000 đồng.

Từ tháng 12/2018 đến tháng 5/2019 anh Q phải trả cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng.

Từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019 anh Q phải trả cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng.

Từ tháng 12/2019 đến tháng 5/2020 anh Q phải trả cho nốt bà L số tiền còn lại là 54.580.000 đồng.

2.3 Về lãi xuất: Bà L không tính lãi xuất đối với anh Q.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp anh Q không thi hành hết nghĩa vụ thi hành án, thì anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi xuất được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Q phải chịu là 3.432.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Bà L phải chịu là 3.432.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 6.864.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000630 ngày 30/10/2017 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện N, nay đối trừ hoàn lại cho bà L 3.432.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh .
- VKSND huyện N.
- THADS huyện N.
- Dương sự.
- Lưu HS./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

HÀ MINH LỰC